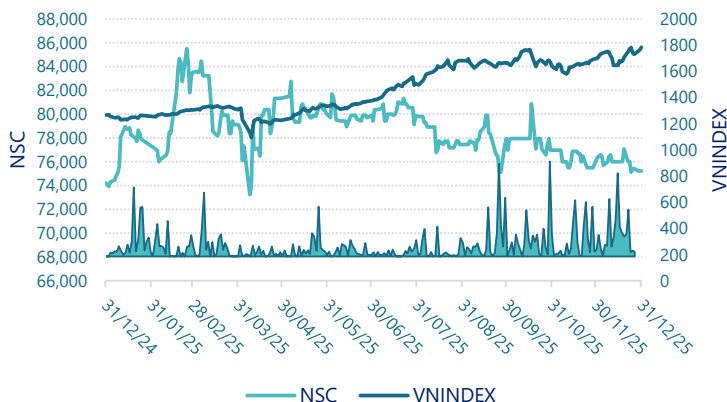




CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (HSX: NSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	77,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	85,509
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	73,239
SL cổ phiếu LH	17,574,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,645
% sở hữu nước ngoài	9.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,357
P/E	5.9
EPS	13,132

DT thuần

Q4/25

771

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 278 | 56.3%

YoY: ▼ 198 | -20.5%

LN sau thuế

Q4/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 81.5 | 298%

YoY: ▲ 15.5 | 17.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.8%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

2025

2,300

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 149 | -6.1%

LN sau thuế

2025

238

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.0 | 5.5%

ROE

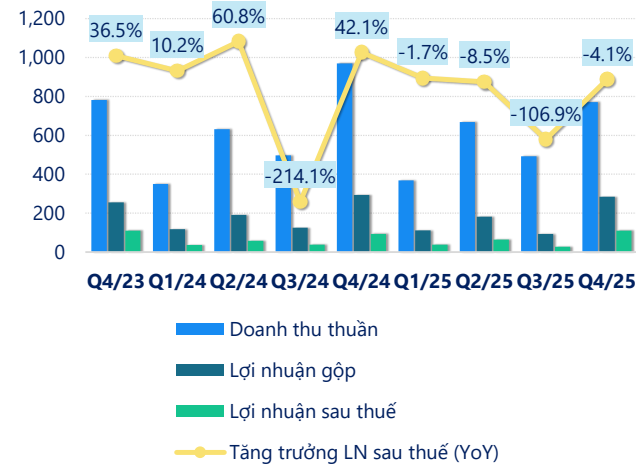
2025

14.5%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

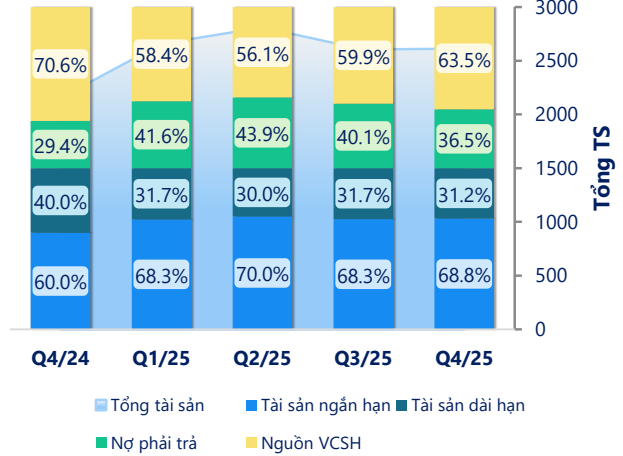
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

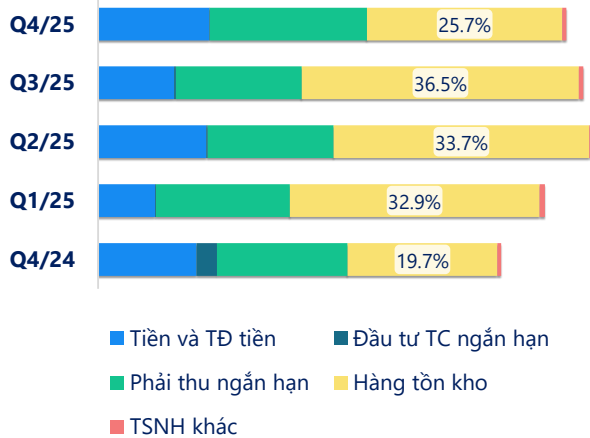
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



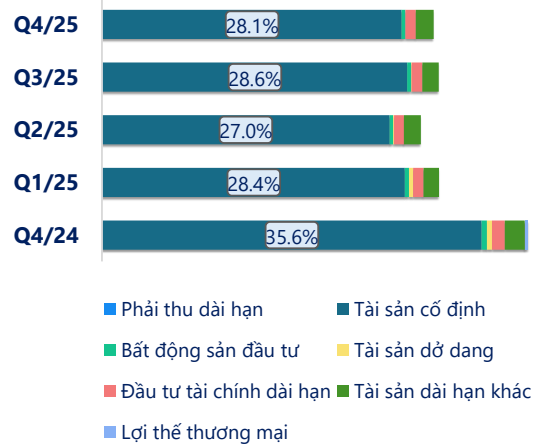
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

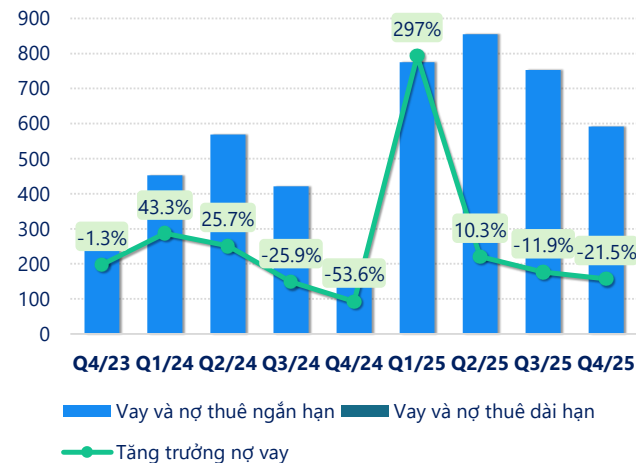
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

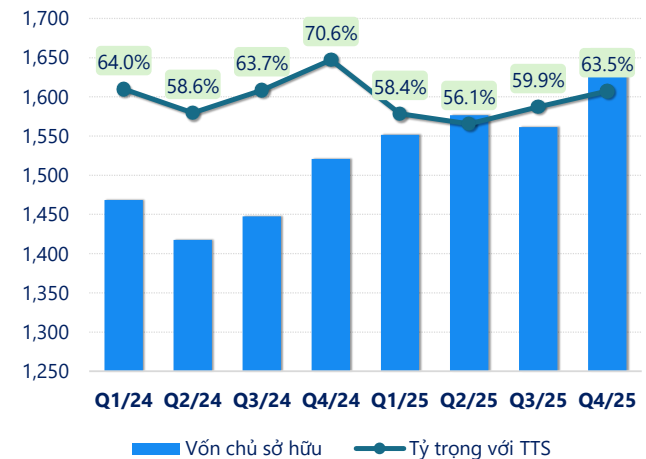
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

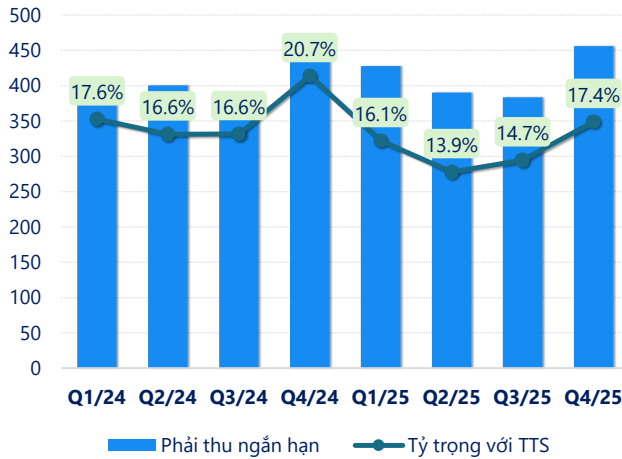
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



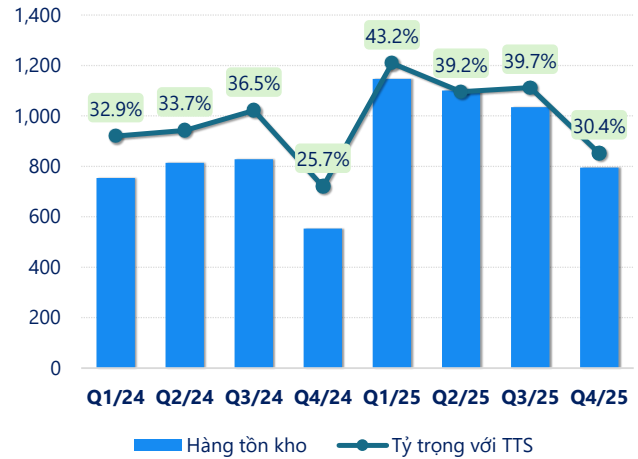
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


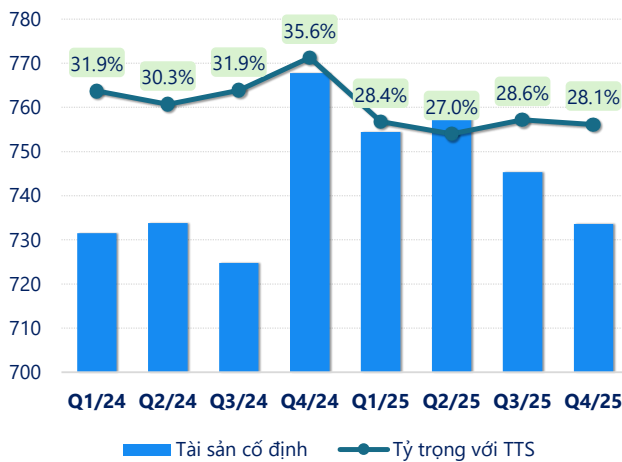
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


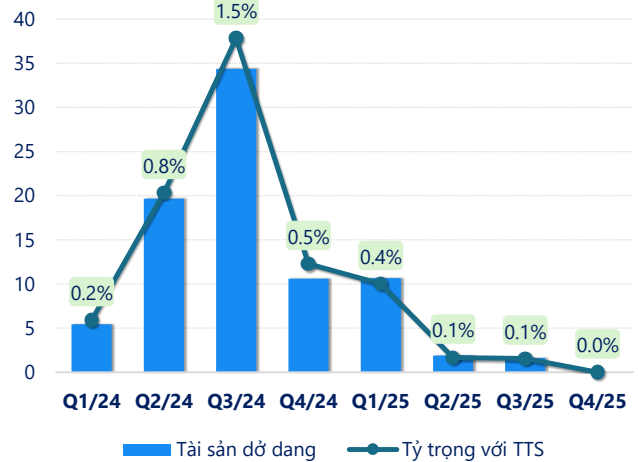
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

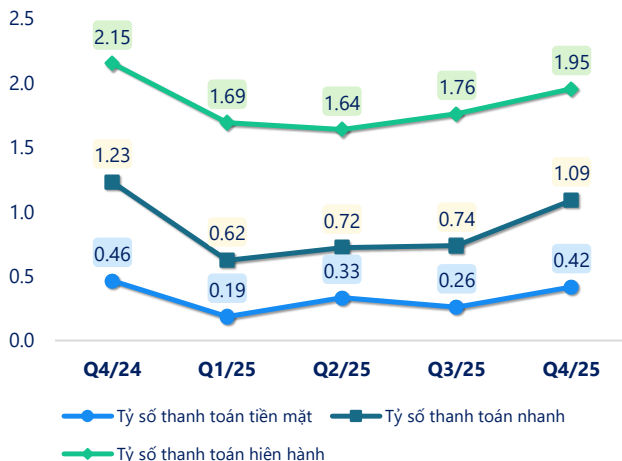
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

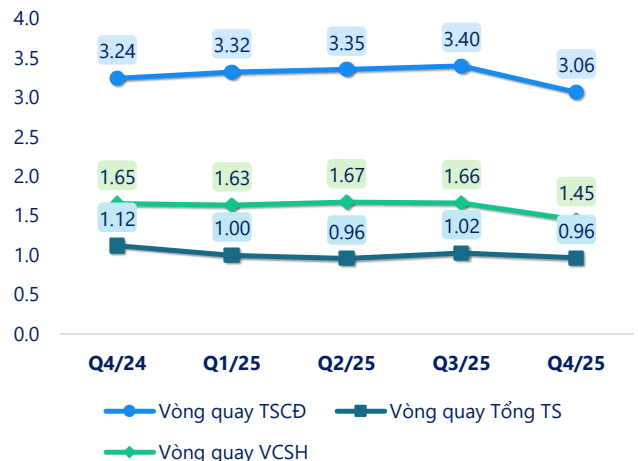
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,154	2,657	2,811	2,605	2,613
Tài sản ngắn hạn	1,292	1,815	1,968	1,780	1,798
Tiền và tương đương tiền	279	199	400	261	382
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.03	18.0	57.4	79.7	148
Phải thu ngắn hạn	446	427	390	384	456
Hàng tồn kho	554	1,147	1,101	1,035	795
Tài sản ngắn hạn khác	11.8	23.0	19.3	21.0	16.0
Tài sản dài hạn	862	842	843	825	815
Phải thu dài hạn	0.82	2.11	0.82	2.11	2.11
Tài sản cố định	768	754	759	745	734
Bất động sản đầu tư	10.8	10.5	10.2	9.87	9.54
Tài sản dở dang	10.6	10.6	1.88	1.63	0
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	26.1	26.1	26.1	26.1
Tài sản dài hạn khác	40.2	38.6	45.1	39.9	43.9
Lợi thế thương mại	5.81	0	0	0	0
Nợ phải trả	633	1,106	1,234	1,044	953
Nợ ngắn hạn	601	1,073	1,201	1,011	920
Vay và nợ thuê ngắn hạn	195	775	855	753	591
Phải trả người bán ngắn hạn	121	96.6	99.4	39.1	80.2
Nợ dài hạn	32.6	32.6	32.7	32.6	32.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,521	1,551	1,577	1,561	1,660
Vốn chủ sở hữu	1,521	1,551	1,577	1,561	1,660
Vốn điều lệ	176	176	176	176	176
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)